Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 19

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ PHÚ MỸ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Chiến thắng sông Lô (ĐT 323)	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ	Nghĩa trang liệt sỹ Lệ Mỹ	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
2		Nghĩa trang liệt sỹ Lệ Mỹ	Cống Bưởi	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
3		Cống Bưởi	Giáp địa giới hành chính xã Chân Mộng	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
4	Đường tỉnh 323D	Ngã ba Lò Vôi	Giáp địa giới hành chính xã Dân Chủ	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
5	Đường tỉnh 323E	Giáp địa giới hành chính xã Trạm Thản	Cầu Liên Hoa	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
6		Giáp cầu Liên Hoa	Ngã 4 đường Âu Cơ	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
7		Ngã 4 đường Âu Cơ	Trường mầm non cũ xã Lệ Mỹ (Nhà văn hoá khu 2)	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
8		Trường mầm non cũ xã Lệ Mỹ	Ngã ba Gốc gạo (đường tỉnh lộ 323)	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
9	Đường tỉnh 323G	Giáp xã Chân Mộng	Cổng UBND xã Phú Mỹ (Liên Hoa cũ)	2.000	1.000	800	800	500	300	600	500	300
10		Cổng UBND xã Phú Mỹ (Liên Hoa cũ)	Đường tỉnh 323E (đoạn khu 5 rẽ chợ Cầu)	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
11		Đường tỉnh 323E (đoạn khu 5 rẽ chợ Cầu)	Cầu Yên	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
12		Cầu Yên	Giáp địa giới hành chính xã Trạm Thản	2.000	1.000	800	800	500	300	600	500	300
13	Đường Âu Cơ	Giáp địa giới hành chính xã Chân Mộng	Giáp địa giới hành chính xã Trạm Thản	4.000	2.200	1.500	1.500	1.000	700	1.300	700	500
14	Đường trục xã (Huyện lộ P1)	Giáp xã Trạm Thản	Giáp đường tỉnh 323	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
15	Đường trục xã	Ngã Ba nhà Thờ Làng Lang đi Khu 7	Đường Chiến thắng sông Lô	1.800	1.000	700	700	400	280	540	300	220
16		Đường rẽ đi xã Tiên Phú, khu 8	Hết địa phận xã Phú Mỹ (giáp xã Tiên Phú)	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Đường trục xã	Hộ nhà ông Hoàn, giáp đường 323G	Hộ nhà ông Luân khu 8	1.400	770	560	560	310	220	420	230	170
18		Ngã 3 Dậm Dài	Giáp TL 323E	2.500	1.400	1.000	1.000	550	400	750	410	300
19		Nhà ông Hạnh khu 4	Ngã 4 đường Âu Cơ đi Khu 1, Khu 2	1.300	720	520	520	290	210	390	220	150
20		Ngã 4 đường Âu Cơ đi Khu 1, Khu 2	Hết địa phận xã (giáp xã Phú Mỹ cũ)	1.300	720	520	520	290	210	390	220	150
21		Giáp đường 323 đi qua trường THCS xã Phú Mỹ	Ngã tư cây găng	1.300	720	520	520	290	210	390	220	150
22	Đường liên thôn, liên xã còn lại			1.100	610	440	440	240	180	330	180	130
*	**Khu tái định cư, khu đấu giá**											
23	Tuyến đường thuộc khu tái định cư, khu đấu giá	Tuyến đường thuộc khu tái định cư khu 3 (xã Liên Hoa cũ)		1.100			500			400		
24		Tuyến đường thuộc khu tái định cư khu 4, 5 (Bờ Đầm, xã Liên Hoa cũ)		3.200			1.400			1.000		
25		Tuyến đường thuộc khu đấu giá Bờ Chùa, khu 5 (Lệ Mỹ cũ)		1.800			800			600		
26		Tuyến đường thuộc khu tái định cư khu 3 (mới bổ sung, xã Liên Hoa cũ)		1.100			500			400		
27	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			800			320			240		